

Số: /2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH1 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4

năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản & QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

QUY ĐỊNH
Một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa
bàn tỉnh Sơn La

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ nêu tại Điều 4 Quy định này trên địa bàn tỉnh Sơn La, gồm: Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ; các hoạt động đo đạc và bản đồ, đo đạc và thành lập các loại bản đồ; lập, thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ; kiểm tra, thẩm định và xác nhận sản phẩm bản đồ; giao nộp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

3. Các quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức phải có giấy phép hoạt động, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được tham gia hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ, xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với công việc theo danh mục được cấp tại giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính, hồ sơ quản lý nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu chất lượng và ký xác nhận sản phẩm đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu trữ, lưu hành sử dụng. Trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội.

Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, cho phép bằng văn bản thì không được sử dụng, phát hành hay niêm yết tại trụ sở hoặc nơi công cộng.

Điều 4. Các hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 16 Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội (*sau đây gọi là Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018*) đối với phần đất liền thuộc phạm vi của UBND tỉnh Sơn La quản lý và khoản 4 Điều 19 Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018.

2. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các khoản 1, 3, 4, 7, 8, 9, 10 Điều 22 Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018.

Điều 5. Đo đạc và thành lập các loại bản đồ

1. Cơ sở toán học

a) Thực hiện theo Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000; Điều 3, 4, 5 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính và Điều 5 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2000, 1:5.000.

b) Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72, hệ tọa độ tự do hoặc hệ tọa độ chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3° trước khi đưa vào sử dụng.

2. Nội dung bản đồ

a) Đo đạc, thành lập và biên tập nội dung bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý và các loại bản đồ chuyên ngành thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan chuyên ngành.

b) Đo đạc thành lập, biên tập bản đồ địa chính

Nội dung trình bày bản đồ đối với các sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định tại Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*sau đây gọi là Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT*).

Đối với trường hợp đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì phải thể hiện trọn thửa đất có ảnh hưởng bởi chỉ giới dự án để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa chính trừ trường hợp các thửa đất là đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất thì được đo đạc không trọn thửa và thực hiện theo khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

c) Bản đồ hiện trạng địa hình (*là bản đồ chuyên ngành phục vụ các công trình, dự án đầu tư xây dựng, phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, thể hiện cả nội dung địa chính và các yếu tố địa hình*):

Thể hiện ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*nếu có*). Thể hiện chỉ giới thực hiện dự án để minh họa lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Thể hiện nội dung địa chính theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT, như: Chủ sử dụng đất (*hoặc chủ đầu tư*), địa điểm, ranh giới các thửa đất, loại đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ giới thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*nếu có*).

Thể hiện nội dung địa hình theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*).

d) Biên tập bản đồ

Ký hiệu và phân lớp được quy định tại các quy định ký hiệu bản đồ hiện hành; các ký hiệu cho công trình ngầm chưa được quy định cụ thể cần ghi chú rõ trên bản đồ, các lớp đối tượng công trình ngầm chưa có quy định cụ thể cần được phân lớp theo nhóm đối tượng có cùng tính chất, công dụng.

3. Mẫu khung và trình bày khung bản đồ

a) Bản đồ địa chính thực hiện theo mẫu quy định tại mục III Phụ lục 22 kèm theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT; được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 23/2025/TT-BTNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bản đồ hiện trạng địa hình thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia được đơn vị thi công xác nhận sản phẩm thi công, đơn vị tư vấn giám sát, kiểm tra xác nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm, chủ đầu tư xác nhận nghiệm thu sản phẩm trên bản đồ hiện trạng địa hình.

c) Các loại bản đồ chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của các Bộ chuyên ngành có liên quan.

Điều 6. Lập đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ

1. Nguyên tắc

a) Các công trình, dự án đo đạc và bản đồ phải lập đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Phương án nhiệm vụ trình cơ quan quy định tại Điều 7 Quy định này thẩm định, cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt trước khi lựa chọn đơn vị thi công, đơn vị giám sát, kiểm tra để tổ chức thực hiện.

b) Chủ đầu tư sử dụng lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung “Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ”

vụ đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành” để lập đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ công trình đo đạc và bản đồ.

c) Việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên định mức, đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Nội dung

a) Nội dung đề án, dự án tùy thuộc theo quy định của từng chuyên ngành, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Nội dung Thiết kế kỹ thuật - dự toán lập theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

c) Nội dung của Phương án nhiệm vụ lập theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ

1. Đối với đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ sử dụng ngân sách Nhà nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung kỹ thuật.

b) Chủ đầu tư thẩm định nội dung dự toán.

c) Cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

2. Đối với đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ không sử dụng ngân sách Nhà nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung kỹ thuật theo đề nghị của Cơ quan quyết định đầu tư.

b) Cơ quan quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có năng lực để thẩm định dự toán kinh phí.

c) Đối với Phương án nhiệm vụ đo đạc theo nhu cầu của chủ đầu tư, người sử dụng đất, trích đo đơn lẻ phục vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì chủ đầu tư tự thẩm định trước khi phê duyệt.

3. Căn cứ, thời gian thẩm định

a) Căn cứ để thẩm định bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức lập đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ; báo cáo khảo sát; bản đồ khoanh vẽ và các hồ sơ tài liệu sử dụng trong quá trình khảo sát; bản đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ (*kèm theo file số*); các văn bản, hình ảnh, dữ liệu sử dụng làm căn cứ để lập đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ.

b) Thời gian thẩm định không quá 15 (*mười lăm*) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ sản phẩm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định và xác nhận sản phẩm bản đồ

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (*nếu có*) tổ chức kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, sản phẩm, ban hành Thông

báo kết quả kiểm tra đối với các sản phẩm hoạt động đo đạc bản đồ được quy định tại Điều 4 Quy định này; xác nhận đối với sản phẩm hoạt động đo đạc bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính theo thẩm quyền.

2. Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính theo thẩm quyền, trừ các trường hợp sau:

a) Thuộc thẩm quyền kiểm tra, ký duyệt của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;

b) Trường hợp trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. UBND cấp xã thực hiện ký xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng vào bản đồ địa chính và mảnh trích đo bản đồ địa chính. Trừ trường hợp trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT; điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi đã được người sử dụng đất và đơn vị đo đạc ký xác nhận.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có chức năng kiểm tra phải có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

6. Chủ đầu tư tổ chức giám sát, kiểm tra, nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 (*sau đây gọi là Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT*) của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*); xác nhận sản phẩm theo thẩm quyền. Đối với trường hợp đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính thì thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Sơn La.

7. Căn cứ để kiểm tra, xác nhận sản phẩm, bao gồm:

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm cấp chủ đầu tư;

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm cấp đơn vị thi công;

c) Sản phẩm đo đạc và bản đồ dạng giấy và dạng số theo quy định sau khi đã được đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận chất lượng, khối lượng;

d) Bản đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ kèm theo quyết định phê duyệt.

đ) Các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan trong quá trình thực hiện hiện dự án.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thành lập theo quy định này được giao nộp tại Trung tâm Chuyển đổi số và Thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thời hạn giao nộp 10 ngày (*kể từ ngày nghiệm thu cấp chủ đầu tư*) để quản lý, lưu trữ, cập nhật, cung cấp, khai thác theo quy định.

2. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ giao nộp được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT.

Đối với sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

Tài liệu giao nộp đối với từng loại bản đồ chuyên ngành ngoài quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT có thể được quy định bổ sung cho phù hợp với từng chuyên ngành nhưng phải được quy định cụ thể trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường được thực hiện theo quy định của Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị kiểm tra chất lượng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật ký tên, đóng dấu xác nhận trong các tài liệu theo quy định, được Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trước khi nhập kho và cho phép nhập kho bằng văn bản.

b) Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hoặc phiếu nhập kho của Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu là căn cứ để quyết toán và thanh toán công trình, dự án.

Điều 10. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và quy định của địa phương (*nếu có*).

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức, về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền của UBND tỉnh; tổ chức thẩm định đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, Phương án nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này; kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

b) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 22 Điều 2 Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

2. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

a) Quản lý, cung cấp, khai thác, cập nhật, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Cung cấp hồ sơ, bản đồ, thông tin, số liệu đất đai, tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

3. Các Sở, ban, ngành, chủ đầu tư dự án có hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong lập, thẩm định, triển khai, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Chịu trách nhiệm lập và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung kỹ thuật trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ.

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

d) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ tại địa phương.

đ) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

e) Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với đề án, dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quy định của Quyết định này.

3. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ đã thực hiện, hoàn thành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa bàn giao thì thực hiện bàn giao sản phẩm theo quy định của Quyết định này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời thông tin, phản ánh (*bằng văn bản*) qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I**ĐỀ CƯƠNG THIẾT KẾ KỸ THUẬT - DỰ TOÁN**

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Sự cần thiết
2. Cơ sở pháp lý
3. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ
4. Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính
5. Tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ, gồm bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, tài liệu ảnh, các loại tài liệu, bản đồ khác và hồ sơ địa giới đơn vị hành chính
6. Hiện trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng quản lý đất đai của địa phương và các đơn vị thuộc nếu có
7. Xác định khối lượng từng hạng mục công việc
Đối với trường hợp lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp quy định tại Điều 181 Luật Đất đai thì căn cứ tình hình thực tế, xác định các vị trí, khu vực, số lượng và mật độ mốc ranh giới cần thực hiện cắm trên thực địa
8. Thiết kế và giải pháp kỹ thuật
9. Dự toán kinh phí
10. Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện
11. Đóng gói, giao nộp sản phẩm
12. Tổ chức thực hiện

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NHIỆM VỤ
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Căn cứ lập phương án nhiệm vụ
2. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ
3. Xác định khối lượng từng hạng mục công việc
4. Giải pháp kỹ thuật thực hiện

Đối với trường hợp trích đo bản đồ địa chính thì trong phương án nhiệm vụ phải có giải pháp biên tập mảnh bản đồ địa chính có thửa đất trích đo và mảnh trích đo bản đồ địa chính

5. Kinh phí thực hiện
6. Ký xác nhận sản phẩm, đóng gói, giao nộp
7. Tổ chức thực hiện